

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YB**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Loan

2. Ông Hoàng Trọng Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB.

Ngày 12-12-2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB; Điểm cầu thành phần: Trụ sở UBND xã MQ, HUYỆN TY, TỈNH YB. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 11-10-2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-11-2023 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn TT, xã QM, HUYỆN TY, TỈNH YB.

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm 1982. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản M SS, xã M SS, huyện PT, tỉnh LC.

Nơi ở hiện tại: Bản H 2, xã DS, huyện PT, tỉnh LC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-7-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện PT, tỉnh LC vào ngày 19-01-2009. Chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc của anh H không ổn định, gặp nhiều khó khăn, sau đó anh H chuyển đi nơi khác làm ăn. Cũng kể từ đó do xa nhau nên

vợ chồng tiếp tục, thường xuyên xảy ra bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến hay cãi chửi nhau và cũng kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ngày 14-9-2023 Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N thống nhất thoả thuận lựa chọn toà án giải quyết ly hôn là Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N có một con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 22-8-2009. Ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08-11-2023, bị đơn Chị Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn H và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện PT, tỉnh LC vào ngày 19-01-2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Sau đó anh H chuyển công tác đến H N làm ăn, trong thời gian này vợ chồng do xa nhau nên tiếp tục bất đồng về quan điểm sống, hay mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến năm 2018 thì anh H chuyển về xã QM, HUYỆN TY, TỈNH YB sinh sống và làm ăn. Cũng kể từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến nhau nữa. Ngày 14-9-2023, Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn H đề nghị thống nhất thoả thuận lựa chọn Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB để giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn H và có một con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 22-8-2009. Ly hôn, chị N đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trần Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu tại Thôn TT, xã QM, HUYỆN TY, TỈNH YB, bị đơn Chị Đinh Thị N có đăng ký hộ khẩu tại Bản M SS, xã M SS, huyện PT, tỉnh LC nhưng Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N có thoả thuận yêu cầu Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB là Toà án giải quyết ly hôn nên yêu cầu ly hôn của Anh Nguyễn Văn H thuộc thẩm

quyền của Tòa án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB là phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Chị Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện PT, tỉnh LC vào ngày 19-01-2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi chửi nhau, sau đó Anh Nguyễn Văn H đi nơi khác làm ăn, vợ chồng sống xa nhau nhưng không khắc phục được mà mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra, cũng kể từ đó đến nay vợ chồng ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Tòa án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB đã thông báo nhưng bị đơn chị N không đến Tòa, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho Anh Nguyễn Văn H được ly hôn Chị Đinh Thị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N có một con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 22-8-2009. Ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Chị N đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Thanh B có nguyện vọng được sống với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện tinh thần và cuộc sống ổn định cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh B cho Anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Nguyễn Văn H và Chị Đinh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Đinh Thị N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn Chị Đinh Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 22-8-2009 cho Anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đinh Thị N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01-2024 cho đến khi cháu Nguyễn Thanh B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001977 tại Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN TY, TỈNH YB ngày 11-10-2023. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. (Xác nhận chị Nchưa nộp).

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Chị Đinh Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA